

Số: 122/2020/QĐST-VHNGĐ

TP. Sóc Trăng, ngày 17 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 126/2020/TLST-VHNGĐ ngày 24-11-2020 về việc “Công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà **Lê Thị Ánh N**, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số 802T đường Phạm H, Khóm 7, Phường 8, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Ông **Triệu K**, sinh năm 1983; Nơi thường trú: ấp B, xã L, huyện V, tỉnh Sóc Trăng; Nơi ở hiện nay: Số 802T đường L, Phường 3, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Vào năm 2007, bà N và ông K tổ chức đám cưới và kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường 8, thành phố S ngày 26-4-2008, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Trong thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, nhưng đầu năm 2019 thì đầu phát sinh mâu thuẫn, N nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, bà N và anh K ly thân từ tháng 12-2020 cho đến nay. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay bà N và ông K nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết được thuận tình ly hôn.

Xét thấy, thực trạng mâu thuẫn giữa bà N và ông K đã đến mức trầm trọng, vợ chồng ông, bà đã sống ly thân. Hiện nay, bà N và ông K không còn

chung sống như vợ chồng, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn của Lê Thị Ánh N và ông Triệu K.

[2]. Về con chung: Bà Lê Thị Ánh N và ông Triệu K thống nhất giao con chung là cháu Triệu Yến N (nữ, sinh ngày 09-8-2008) cho bà Lê Thị Ánh N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Triệu Yến Ngọc đến đủ 18 tuổi.

[3]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông Triệu K cấp dưỡng nuôi cháu Triệu Yến N (nữ, sinh ngày 09-8-2008) mỗi tháng 3.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 30 hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 30-12-2020, cấp dưỡng cho đến khi cháu Triệu Yến N đủ 18 tuổi.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Ánh N và ông Triệu K thống nhất trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Bà Lê Thị Ánh N và ông Triệu K mỗi người đồng ý chịu số tiền 150.000 đồng. Xét thấy, việc thỏa thuận của ông, bà phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên có cơ sở chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ánh N và ông Triệu K thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Bà Lê Thị Ánh N và ông Triệu K thống nhất giao con chung là cháu Triệu Yến N (nữ, sinh ngày 09-8-2008) cho bà Lê Thị Ánh N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Triệu Yến N đến đủ 18 tuổi.

Ông Triệu K có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Triệu Yến N không ai được quyền cản trở.

1.3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông Triệu K cấp dưỡng nuôi cháu Triệu Yến Ngọc (nữ, sinh ngày 09-8-2008) mỗi tháng 3.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 30 hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 30-12-2020, cấp dưỡng cho đến khi cháu Triệu Yến Ngọc đến đủ 18 tuổi.

1.4. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Ánh N và ông Triệu K

thống nhất trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.5. Về lệ phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Ánh N và ông Triệu K mỗi người đồng ý chịu là 150.000 đồng nhưng được trừ tiền tạm ứng lệ phí do bà Lê Thị Ánh N và ông Triệu K đã nộp theo biên lai thu số 0004823 và 0004824 ngày 16-11-2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Bà Lê Thị Ánh N và ông Triệu K đã nộp xong lệ phí dân sự sơ thẩm.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPST;
- Chi cục THADS thành phố S;
- UBND Phường 8, thành phố S.
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lâm Tấn Vinh